

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trung

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Nhật L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Nhật L chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/2012 ngày 09/8/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không đưa tiền để phụ giúp chị chăm lo cho gia đình, thường uống rượu, chửi mắng, ghen tuông và dùng những lời lẽ

thô tục đối với chị, từ đó vợ chồng thiếu sự tin tưởng với nhau, thường xảy ra cự cãi về việc tiền bạc và nhiều việc khác trong cuộc sống. Ngoài ra, anh L sống bên gia đình chị nhưng thường xảy ra cự cãi, thiếu sự tôn trọng với mẹ chị. Mặc dù chị có khuyên nhiều lần nhưng anh L không chịu sửa đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị bỏ nhà đi thuê nhà trọ sinh sống từ tháng 7/2021 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị có trao đổi với anh L về việc ly hôn này nhưng anh L không đồng ý, đe dọa sẽ tạt axit và giết chị.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Nhật L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn P, sinh ngày 08/11/2007. Hiện nay, cháu P đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Nhật L được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhưng anh L từ chối nhận văn bản và cố tình không hợp tác, do đó Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định nhưng anh L vẫn không đến Tòa án để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa:

- Chị D xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ với nhau, do chị không còn tình cảm với anh L, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Nguyễn P, sinh ngày 08/11/2007 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh L vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh L. Về con chung: Đề nghị giao cháu P cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn anh L nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Anh L có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị D có mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị D và anh L chung sống với nhau vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị D trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh L không đưa tiền để phụ giúp chị chăm lo cho gia đình, thường uống rượu, chửi mắng, ghen tuông và dùng những lời lẽ thô tục đối với chị, vợ chồng thường xảy ra cự cãi về việc tiền bạc và nhiều việc khác trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng với nhau. Ngoài ra, anh L thường xảy ra cự cãi, thiếu sự tôn trọng với mẹ chị và chị có trao đổi với anh L về việc ly hôn này nhưng anh L không đồng ý, đe dọa sẽ tạt axit và giết chị. Thực tế chị D và anh L đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị D yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và chị từ chối hoà giải. Từ đó cho thấy, chị D cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía anh L những lần Tòa án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa thì anh L đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, anh L không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị D.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

[2.2] Về con chung:

Chị D và anh L có 01 (một) con chung là Trần Nguyễn P, sinh ngày 08/11/2007. Xét thấy, chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, cháu P cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh L là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị D và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích D được ly hôn với anh Trần Nhật L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01/2012, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/8/2012 cho anh Trần Nhật L và chị Nguyễn Thị Bích D không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn P, sinh ngày 08/11/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị D và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003473 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị D không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Nhật L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên